

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN

DẦU KHÍ VIỆT NAM - SSG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 21
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104394599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 01 năm 2010, đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 30 tháng 09 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 1506 Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Hoàng Hữu Sơn	Chủ tịch	
Ông: Phạm Trung Thực	Ủy viên	
Ông: Đinh Ngọc Ninh	Ủy viên	
Ông: Võ Văn Bé	Ủy viên	
Bà: Lê Thị Thanh Hà	Ủy viên	
Ông: Nguyễn Như Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/11/2014
Ông: Trần Tùng Linh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/4/2014
Ông: Lê Quốc Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/4/2014 và miễn nhiệm ngày 07/07/2014
Ông: Phùng Tiến Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/07/2014
Ông: Lê Minh Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/11/2014

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Hà Huy Liệu	Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Lê Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Hứa Xuân Nam	Trưởng ban
Ông: Phan Lê Anh	Thành viên
Bà: Trương Thị Thanh Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Hà Huy Liệu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đơn vị chưa thực hiện công tác đối chiếu công nợ công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2014 và chúng tôi đã thực hiện thủ tục gửi thư xác nhận công nợ độc lập tới các bên liên quan. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng chưa nhận được đầy đủ Biên bản đối chiếu. Việc thực hiện các thủ tục kiểm toán khác thay thế không thể đánh giá được tính đầy đủ và phù hợp của các khoản công nợ phải thu, phải trả trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG tại 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 08 trong Báo cáo tài chính về việc Công ty đang trong quá trình làm thủ tục đề nghị Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp phép chuyển đổi mục đích sử dụng khu Sân tập thể thao và Nhà quản lý điều hành, hiện đang xây dựng trên diện tích đất thuộc Dự án Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Việt Nam.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Quang Huy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1126-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã	TÀI SẢN	Thuyết	31/12/2014	01/01/2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		523.352.097.910	522.582.909.311
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	14.026.046.133	26.069.647.305
111	1. Tiền		2.026.046.133	1.069.647.305
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	25.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		35.319.225.515	35.440.080.264
132	2. Trả trước cho người bán		35.075.537.162	35.142.889.457
135	5. Các khoản phải thu khác	04	243.688.353	297.190.807
140	IV. Hàng tồn kho	05	460.000.105.712	449.653.615.080
141	1. Hàng tồn kho		460.000.105.712	449.653.615.080
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.006.720.550	11.419.566.662
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.688.699.148	8.996.965.281
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	06	4.318.021.402	2.422.601.381
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.140.812.511	473.651.156
220	II. Tài sản cố định		4.019.114.327	447.169.338
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	366.029.118	447.169.338
222	- Nguyên giá		773.306.182	773.306.182
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(407.277.064)	(326.136.844)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	3.653.085.209	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		121.698.184	26.481.818
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	09	121.698.184	26.481.818
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		527.492.910.421	523.056.560.467

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		137.633.657.785	136.216.853.569
310	I. Nợ ngắn hạn		137.590.847.785	136.216.853.569
312	2. Phải trả người bán		136.318.994.503	136.034.684.627
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	56.896.791	68.437.562
315	5. Phải trả người lao động		19.500.000	161.381.161
316	6. Chi phí phải trả	11	1.260.105.455	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	17.801.036	34.800.219
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		(82.450.000)	(82.450.000)
330	II. Nợ dài hạn		42.810.000	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	13	42.810.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		389.859.252.636	386.839.706.898
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	389.859.252.636	386.839.706.898
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		390.000.000.000	387.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(140.747.364)	(160.293.102)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		527.492.910.421	523.056.560.467

Người lập biểu

Nguyễn Phương Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Thanh

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hà Huy Liệu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	1.325.098.161	2.087.879.523
22	7. Chi phí tài chính	16	-	5.532.543
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	5.532.543
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	1.263.885.989	2.036.613.923
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.212.172	45.733.057
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	18	405.000	1.276.909
40	13. Lợi nhuận khác		(405.000)	(1.276.909)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.807.172	44.456.148
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		39.761.434	39.252.633
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.045.738	5.203.515

Người lập biểu

Kế toán trưởng

 

Nguyễn Phương Huyền

Nguyễn Thị Mai Thanh

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hà Huy Liệu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		60.807.172	44.456.148
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.243.957.941)	(1.992.018.095)
02	- Khấu hao tài sản cố định		81.140.220	90.328.885
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.325.098.161)	(2.087.879.523)
06	- Chi phí lãi vay		-	5.532.543
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.183.150.769)	(1.947.561.947)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.466.299.139)	1.761.951.471
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(10.346.490.632)	(10.694.905.419)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.418.710.398	75.259.151
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(95.216.366)	312.418.046
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(5.532.543)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(43.167.616)	(43.413.328)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(398.615.689)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.715.614.124)	(10.940.400.258)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.653.085.209)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.325.098.161	1.878.185.079
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.327.987.048)	1.878.185.079
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000	16.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	1.144.664.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(1.144.664.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.000.000.000	16.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.043.601.172)	6.937.784.821
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.069.647.305	19.131.862.484
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	14.026.046.133	26.069.647.305

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Phương Huyền

Nguyễn Thị Mai Thanh

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hà Huy Liệu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104394599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 01 năm 2010, đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 30 tháng 09 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 1506 Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 800.000.000.000 đồng; tương đương 80.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2014, vốn thực góp là 390.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Bán buôn sắt thép; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng, hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan;
- Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh;
- Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí;
- Quảng cáo;
- Nhà hàng và các dịch vụ phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, dịch vụ hỗ trợ quảng bá du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kinh doanh còn lại chưa được phân vào đâu.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Công ty là chủ đầu tư Dự án Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Việt Nam bao gồm khu Tổ hợp Khách sạn 5 sao, Văn phòng, Căn hộ cao cấp trên khu đất 3,8 ha tại lô X3 thuộc xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Tuy nhiên, khó khăn chung về đầu ra cho sản phẩm bất động sản đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án nêu trên.

- Năm 2014, Công ty thực hiện xây dựng Sân tập thể thao và Nhà quản lý điều hành trên diện tích 15.000 m² thuộc khu đất triển khai dự án Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Việt Nam. Đến thời điểm 31/12/2014 Công ty đang trong quá trình làm thủ tục đề nghị Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp phép xây dựng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

2.13. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.15. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty được coi là bên liên quan.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	78.993.849	138.417.286
Tiền gửi ngân hàng	1.947.052.284	931.230.019
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	25.000.000.000
	14.026.046.133	26.069.647.305

Tại ngày 31/12/2014, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 12.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại sau:

Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội, CN Thăng Long có giá trị 5.000.000.000 VND với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4,6 %/năm.

Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Nam Việt có giá trị 5.000.000.000 VND với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 5,8 %/năm.

Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Liên Việt có giá trị 2.000.000.000 VND với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4 %/năm.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	89.138.888	285.444.444
Phải thu người lao động về KPCĐ, BHXH, YT, TN	7.602.464	5.997.433
Phải thu công nhân viên về ứng lương 2015	138.421.500	-
Phải thu khác	8.525.501	5.748.930
	243.688.353	297.190.807

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	460.000.105.712	449.653.615.080
	460.000.105.712	449.653.615.080
Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
<i>Dự án Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Việt Nam</i>	<i>460.000.105.712</i>	<i>449.653.615.080</i>
Chi phí đã phát sinh chuyển giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	203.873.758.246	203.873.758.246
Chi phí xây dựng phát sinh tiếp đến 31/12/2014 (**)	114.228.347.466	103.881.856.834
<i>Dự án Trung tâm hoạt động văn hóa đa năng - Rạp Kim Đồng (***)</i>	<i>141.898.000.000</i>	<i>141.898.000.000</i>
	460.000.105.712	449.653.615.080

(*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 9986/PVN-SSG ký ngày 10/12/2009 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG về đầu tư xây dựng dự án Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Việt Nam bao gồm tổ hợp công trình Khách sạn 5 sao - Văn phòng - Căn hộ cao cấp trên khu đất 3,8 ha tại lô X3 (ký hiệu CV4.3) và dự kiến xây dựng công viên giải trí - tháp Dầu khí trên khu đất 21,2 ha tại các lô đất X1 và X2, thuộc khu Công viên Văn hóa Thể Thao Tây Nam Hà Nội. Toàn bộ chi phí do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thực hiện liên quan đến dự án nêu trên tính đến ngày 30/09/2009 đã được các cổ đông của Công ty xác định và chấp thuận bàn giao sang Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG.

(**) Chi tiết chi phí xây dựng phát sinh đến 31/12/2014

31/12/2014

01/01/2014

	VND	VND
Chi phí thiết kế	11.481.697.750	11.481.697.750
Chi phí thi công phải trả PVC- ME	39.556.935.455	39.556.935.455
Chi phí lương và các khoản trích theo lương cán bộ quản lý dự án	23.006.664.261	19.291.411.715
Chi phí khác	40.183.050.000	33.551.811.914
Cộng	114.228.347.466	103.881.856.834

(***) Cũng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư trên, Công ty có nghĩa vụ tiếp nhận toàn bộ chi phí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phát sinh để thực hiện đầu tư xây dựng công trình Trung tâm hoạt động văn hóa đa năng - Rạp Kim Đồng tại số 19 Hàng Bài với tổng mức đầu tư dự kiến 156 tỷ đồng. Số tiền 141.898.000.000 đồng là số liệu tạm tính theo nội dung công văn số 9393/DKVN-HĐTV ngày 15/10/2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc hoàn trả chi phí xây dựng công trình Trung tâm hoạt động văn hóa đa năng - Rạp Kim Đồng. Các cổ đông của Công ty sau đó đã chấp thuận chi phí trên và ghi nhận vào khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	4.297.671.402	2.402.501.381
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.350.000	20.100.000
	4.318.021.402	2.422.601.381

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	672.202.182	101.104.000	773.306.182
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	672.202.182	101.104.000	773.306.182
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	246.474.133	79.662.711	326.136.844
Số tăng trong năm	67.220.220	13.920.000	81.140.220
- Khấu hao trong năm	67.220.220	13.920.000	81.140.220
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	313.694.353	93.582.711	407.277.064
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	425.728.049	21.441.289	447.169.338
Tại ngày cuối năm	358.507.829	7.521.289	366.029.118

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	3.653.085.209	-
Công trình Sân tập thể thao và Nhà quản lý điều hành (*)	3.653.085.209	-
	3.653.085.209	-

(*) Công trình Sân tập thể thao và Nhà quản lý điều hành được xây dựng trên phần diện tích đất của Dự án Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Việt Nam. Công ty làm thủ tục đề nghị Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hà Nội cấp phép xây dựng tại dự án để chống tái lấn chiếm mặt bằng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	26.481.818	338.899.864
Số tăng trong năm	117.610.002	80.275.301
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(22.393.636)	(392.693.347)
Số dư cuối năm	121.698.184	26.481.818
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dần	84.418.184	11.318.182
Chi phí trả trước dài hạn khác	37.280.000	15.163.636
	121.698.184	26.481.818

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.177.843	37.084.025
Thuế thu nhập cá nhân	21.718.948	31.353.537
	56.896.791	68.437.562

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí phải trả thuộc Dự án Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Việt Nam	1.252.832.727	-
Chi phí phải trả thuộc dự án xây dựng Sân tập thể thao	7.272.728	-
	1.260.105.455	-

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.257.392	3.967.364
Các khoản phải trả phải nộp khác	15.543.644	30.832.855
	17.801.036	34.800.219

13. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ thuê Sân tập thể thao của Công ty Cổ phần Thể thao Việt Nam	42.810.000	-
	42.810.000	-

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	371.000.000.000	(165.496.617)	370.834.503.383
Tăng vốn trong năm trước	16.000.000.000	-	16.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	5.203.515	5.203.515
Số dư cuối năm trước	387.000.000.000	(160.293.102)	386.839.706.898
Tăng vốn trong năm	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	21.045.738	21.045.738
Giảm khác (*)	-	(1.500.000)	(1.500.000)
Số dư cuối năm nay	390.000.000.000	(140.747.364)	389.859.252.636

(*) : Chi phí thuế TNDN năm 2012 phải nộp bổ sung

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	Tỷ lệ trên vốn thực góp	01/01/2014	Tỷ lệ trên vốn thực góp
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	24.000.000.000	6%	24.000.000.000	6%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	30.000.000.000	8%	30.000.000.000	8%
Ngân hàng TMCP Đại Dương	40.000.000.000	10%	40.000.000.000	11%
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí	100.000.000.000	26%	100.000.000.000	27%
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	196.000.000.000	50%	193.000.000.000	48%
	390.000.000.000	100%	387.000.000.000	100%

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104394599 thay đổi lần thứ sáu ngày 30 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 800.000.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2014, các chủ sở hữu chưa góp đủ vốn điều lệ như đã cam kết.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	387.000.000.000	371.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	3.000.000.000	16.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	390.000.000.000	387.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.000.000	80.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.000.000	38.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.000.000	38.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.000.000	38.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.000.000	38.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.325.098.161	2.087.879.523
	1.325.098.161	2.087.879.523

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	5.532.543
	-	5.532.543

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	1.263.885.989	2.036.613.923
	1.263.885.989	2.036.613.923

18. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Nộp tiền phạt chậm nộp thuế TNDN năm 2012	405.000	1.257.964
Nộp tiền phạt chậm nộp thuế TNDN năm 2013	-	18.945
Cộng	405.000	1.276.909

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	60.807.172	44.456.148
Các khoản điều chỉnh tăng	138.000.000	130.000.000
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	138.000.000	130.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	198.807.172	174.456.148
Thuế suất thuế TNDN	20%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	39.761.434	39.252.633
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.500.000	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	37.084.025	41.244.720
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(43.167.616)	(43.413.328)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	35.177.843	37.084.025

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.026.046.133	-	26.069.647.305	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	243.688.353	-	297.190.807	-
Cộng	14.269.734.486	-	26.366.838.112	-

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	136.379.605.539	136.069.484.846
Chi phí phải trả	1.260.105.455	-
Cộng	137.639.710.994	136.069.484.846

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.026.046.133	-	-	14.026.046.133
Phải thu khách hàng, phải thu khác	243.688.353	-	-	243.688.353
Cộng	14.269.734.486	-	-	14.269.734.486
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.069.647.305	-	-	26.069.647.305
Phải thu khách hàng, phải thu khác	297.190.807	-	-	297.190.807
Cộng	26.366.838.112	-	-	26.366.838.112

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	136.336.795.539	42.810.000	-	136.379.605.539
Chi phí phải trả	1.260.105.455	-	-	1.260.105.455
Cộng	137.596.900.994	42.810.000	-	137.639.710.994
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	136.069.484.846	-	-	136.069.484.846
Cộng	136.069.484.846	-	-	136.069.484.846

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

21. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Góp vốn vào Công ty			
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	Cổ đông	3.000.000.000	16.000.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả			
Tập đoàn Dầu khí Việt nam	Cổ đông	(135.898.000.000)	(135.898.000.000)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.445.222.544	1.910.276.000

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Phương Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Thanh

Tổng Giám đốc



Hà Huy Liệu

CHỨNG THỰC BAN SÁCH DÙNG VỚI BAN CHÍNH

Số chứng thực: 3872 04 Quyển số: 8CT/BS

Ngày: 15-08-2016

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Anh Hương